BỘ NỘI VỤ - BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 02 /2007/TTLT-BNV-BTC	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

Căn cứ Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng chính sách tinh giản biên chế

Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến cấp huyện; một số chức danh quản lý trong công ty nhà nước thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005 và trong nông, lâm trường quốc doanh sắp xếp lại theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng tinh giản biên chế, bao gồm:

a) Những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức, biên chế để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính mà không thể bố trí công việc khác phù hợp tại cơ quan, đơn vị đó;

b) Những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo bao gồm: cán bộ bầu cử và bổ nhiệm, do sắp xếp tổ chức hoặc không tái cử nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu, không bố trí được theo vị trí công việc mới;

c) Những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định của vị trí công việc đang đảm nhận nhưng không có vị trí công tác khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại được để chuẩn hoá về chuyên môn; những cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị không hợp lý và không thể bố trí, sắp xếp được công việc khác;

d) Những người không hoàn thành nhiệm vụ đối với công việc được giao trong hai năm liền kề gần đây do năng lực chuyên môn nghiệp vụ yếu hoặc sức khoẻ không bảo đảm hoặc do thiếu tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật

kém nhưng chưa đến mức buộc thôi việc theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát của các công ty nhà nước thực hiện cổ phần hoá, giao, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005; Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của các nông, lâm trường quốc doanh sắp xếp lại theo quy định của Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, có tên trong phương án giải quyết lao động dôi dư, không tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp, nông lâm trường quốc doanh đó hoặc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước khác;

Các chức danh quản lý doanh nghiệp, nông, lâm trường nêu tại điểm này nếu cơ quan có thẩm quyền quyết định là thành viên của Ban thanh lý doanh nghiệp, sau khi Ban thanh lý doanh nghiệp giải thể, không bố trí được công việc khác thì cũng được áp dụng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng chưa áp dụng chính sách tinh giản biên chế

Chưa áp dụng chính sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp sau:

a) Đang trong thời gian điều trị, điều dưỡng tại bệnh viện có xác nhận của Giám đốc bệnh viện;

b) Đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

3. Đối tượng không được áp dụng chính sách tinh giản biên chế

a) Những người tự ý bỏ việc hoặc đi học tập, công tác, nghỉ phép ở nước ngoài quá thời hạn từ 30 ngày trở lên không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Cán bộ, công chức, viên chức không trong diện tinh giản biên chế nhưng tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc hoặc chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước do nhu cầu cá nhân;

c) Cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

4. Chính sách và cơ sở, phương pháp tính toán

Chính sách và cơ sở, phương pháp tính toán để giải quyết chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong diện sắp xếp tinh giản biên chế thực hiện theo

hướng dẫn của Thông tư này và không áp dụng chính sách, cơ sở, phương pháp tính toán theo quy định các văn bản khác.

II. CƠ SỞ TÍNH TOÁN MỨC TRỢ CẤP CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG TINH GIẢN BIÊN CHẾ.

1. Tiền lương

a) Tiền lương tháng bao gồm tiền lương theo ngạch, bậc; các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có)

Trong đó:

- Tiền lương theo ngạch, bậc là hệ số lương theo ngạch, bậc nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp chức vụ lãnh đạo là hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp thâm niên vượt khung là tỷ lệ % được hưởng (nếu có) nhân với hệ số bậc lương cuối cùng trong ngạch nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Phụ cấp thâm niên nghề là tỷ lệ % được hưởng (nếu có) nhân với tổng của hệ số lương theo ngạch bậc, hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có), tỷ lệ % (quy theo hệ số) phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) và nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Mức chênh lệch bảo lưu bằng hệ số chênh lệch bảo lưu nhân với mức lương tối thiểu chung;

- Hệ số lương và phụ cấp lương trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, các Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương có hiệu lực thi hành trước ngày 01 tháng 10 năm 2004; từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi được tính theo hệ số tiền lương và phụ cấp lương chuyển xếp quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước, các Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tiền lương có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2004.

Tiền lương tối thiểu chung để tính chế độ cho giai đoạn trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 là 210.000 đồng; giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 là 290.000 đồng; giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến 30 tháng 9 năm 2006 là 350.000 đồng; giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 đến trước thời điểm điều chỉnh tiền lương tối thiểu tiếp theo là 450.000 đồng. Tiền lương tối thiểu chung để tính chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư trong các giai đoạn tiếp sau do Chính phủ quy định.

b) Tiền lương tháng làm căn cứ để tính các chế độ trợ cấp quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, 3, điểm d khoản 4 mục III được tính bằng bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của năm năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản. Riêng đối với những trường hợp chưa đủ 5 năm công tác, thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

c) Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương của tháng liền kề trước thời điểm tinh giản biên chế.

2. Thời gian tính hưởng trợ cấp

a) Số năm công tác để tính trợ cấp là số năm được tính hưởng bảo hiểm xã hội và số năm có đóng bảo hiểm xã hội (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người). Nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

b) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức phạm tội bị toà án tuyên án phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc phạt cải tạo không giam giữ mà vẫn được cơ quan, đơn vị bố trí làm việc thì thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian thi hành án cũng được tính vào thời gian công tác để tính hưởng trợ cấp.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A 35 tuổi, thuộc diện tinh giản biên chế, thôi việc từ ngày 01/09/2007, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội là 8 năm và 8 tháng, hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo mã ngạch 01.003, bậc 3 (3,00) từ ngày 01/01/2006.

Tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác cho Ông A được tính bằng bình quân tiền lương thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng) kể từ 01/9/2002 đến 01/9/2007.

Diễn biến hệ số lương theo ngạch, bậc và mức lương tối thiểu của ông A từ 01/9/2002 đến 01/9/2007 như sau:

- Từ 01/9/2002 đến 31/12/2002 (04 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 1 (1,86), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/01/2003 đến 30/9/2004 (21 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 2 (2,1), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2004 đến 30/9/2005 (12 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 2 (2,67), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2005 đến 31/12/2005 (03 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 2 (2,67), mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng

- Từ 01/01/2006 đến 30/9/2006 (09 tháng), hệ số lương mã ngạch là 01.003, bậc 3 (3,00), mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng

- Từ 01/10/2006 đến 01/9/2007 (11 tháng), hệ số lương mã ngạch là 01.003, bậc 3 (3,00), mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng

Tiền lương bình quân thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản là: [(1,86 x 210.000 đồng x 04 tháng) + (2,1 x 290.000 đồng x 21 tháng) + (2,67 x 290.000 đồng x 12 tháng) + (2,67 x 350.000 đồng x 03 tháng) + (3,00 x 350.000 đồng x 09 tháng) + (3,00 x 450.000 đồng x 11 tháng)]/60 = 845.775 đồng/tháng

Như vậy tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác cho ông A là: 845.775 đồng

Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 9 năm.

3. Thời điểm hưởng lương hưu hàng tháng đối với những đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 mục III Thông tư này tính từ tháng liền kề sau tháng đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn G 59 tuổi, có 19 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội (tính đến 31/11/2007), thuộc diện tinh giản biên chế từ ngày 01/12/2007, cơ quan, đơn vị đóng bảo hiểm xã hội một lần cho 05 tháng ông G còn thiếu để đủ 20 năm từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2008. Ông G được hưởng lương hưu kể từ ngày 01/5/2008.

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CÁC CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ CỤ THỂ

1. Chính sách đối với những người nghỉ hưu trước tuổi

a) Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế đủ 55 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi. Ngoài việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, còn được hưởng thêm 3 khoản trợ cấp sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi. Trường hợp thời gian nghỉ hưu sớm có số tháng lẻ không đủ năm thì tính trợ cấp như sau:

+ Số tháng lẻ đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương;

+ Số tháng lẻ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương.

Tiền trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi quy định	=	Số tháng được trợ cấp (tính theo thời gian nghỉ trước tuổi quy định)	x	Tiền lương tháng

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

- Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (đủ 12 tháng) kể từ năm thứ hai mươi mốt đóng bảo hiểm xã hội trở đi

Tiền trợ cấp do có trên 20 năm đóng bảo hiểm xã hội	=	Số năm được trợ cấp (tính từ năm thứ 21 trở đi có đóng bảo hiểm xã hội)	x 1/2 x	Tiền lương tháng

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn B, 56 tuổi 7 tháng, thuộc diện tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/08/2007, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội là 33 năm 2 tháng (20 năm + 13 năm 2 tháng), hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo mã ngạch 01.002, bậc 3 (5,08) từ ngày 01/10/2005; hệ số phụ cấp chức vụ 0,4 từ ngày 01/01/2005.

Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi cho Ông B được tính bằng bình quân tiền lương thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng) kể từ 01/8/2002 đến 01/8/2007.

Diễn biến hệ số lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ và mức lương tối thiểu chung của ông B từ 01/8/2002 đến 01/8/2007 như sau:

- Từ 01/8/2002 đến 30/9/2002 (2 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.002, bậc 1 (3,35), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/10/2002 đến 31/12/2002 (3 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.002, bậc 2 (3,63), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/01/2003 đến 30/9/2004 (21 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.002, bậc 2 (3,63), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2004 đến 30/9/2005 (12 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.002, bậc 2 (4,74), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2005 đến 30/9/2006 (12 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.002, bậc 3 (5,08), hệ số phụ cấp chức vụ 0,4, mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng

- Từ 01/10/2006 đến 01/8/2007 (10 tháng), hệ số lương mã ngạch là 01.002, bậc 3 (5,08), hệ số phụ cấp chức vụ 0,4, mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng

Tiền lương bình quân thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản là:

[(3,35 x 210.000 đồng x 2 tháng) + (3,63 x 210.000 đồng x 3 tháng) + (3,63 x 290.000 đồng x 21 tháng) + (4,74 x 290.000 đồng x 12 tháng) + ((5,08 + 0,4) x 350.000 đồng x 12 tháng) + ((5,08 + 0,4) x 450.000 đồng x 10 tháng)]/60 = 1.499.350 đồng/tháng

Như vậy tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi cho ông B là 1.499.350 đồng

Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 33 năm.

Ông B nghỉ hưu trước: 60 tuổi - 56 tuổi 7 tháng = 3 năm 5 tháng

Do vậy, Ông B được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định:

[(3 năm x 3 tháng) + 1 tháng] x 1.499.350 đồng = 14.993.500 đồng

- Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội là:

5 tháng x 1.499.350 đồng = 7.496.750 đồng

- Trợ cấp do có trên 20 năm đóng bảo hiểm xã hội (12 năm 8 tháng) là:

13 năm x 1/2 x 1.499.350 đồng = 9.745.775 đồng

Tổng số tiền trợ cấp ông B được lĩnh là:

14.993.500 đồng + 7.496.750 đồng + 9.745.775 đồng = 32.236.025 đồng

b) Các đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm đ khoản 1 mục I Thông tư này nếu đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được hưởng chính sách, chế độ như đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Các đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm a, b khoản này nếu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 19 năm 6 tháng trở lên đến dưới 20 năm thì cơ quan, đơn vị sẽ đóng một lần số tháng còn thiếu, với mức đóng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi tinh giản vào quỹ hưu trí và tử tuất để giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về

bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi. Ngoài việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp như đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

Mức đóng của cơ quan, đơn vị vào quỹ hưu trí và tử tuất cụ thể như sau:

- Trường hợp đối tượng trên thuộc diện tinh giản biên chế từ ngày 31 tháng 12 năm 2009 trở về trước, thì cơ quan, đơn vị sẽ đóng một lần vào quỹ hưu trí tử tuất với mức sau:

$$\text{Số tháng còn thiếu} \times \left[\text{Tiền lương tháng hiện hưởng} \right] \times 16\%$$

- Trường hợp đối tượng trên thuộc diện tinh giản biên chế từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, thì cơ quan, đơn vị sẽ đóng một lần vào quỹ hưu trí tử tuất với mức sau:

$$\text{Số tháng còn thiếu} \times \left[\text{Tiền lương tháng hiện hưởng} \right] \times 18\%$$

Ví dụ 4: Ông Lê Văn C, 58 tuổi, thuộc diện tinh giản biên chế từ ngày 01/9/2007, có hệ số lương ngạch, bậc theo mã ngạch 01.003, bậc 6 là 3,99 từ 01/02/2005, nhưng ông mới đóng bảo hiểm xã hội được 19 năm 7 tháng.

Cơ quan, đơn vị đóng một lần vào quỹ hưu trí tử tuất 5 tháng còn thiếu cho đủ 20 năm (từ tháng 9/2007 đến tháng 01/2008) để giải quyết chế độ hưu trí cho ông C, với mức như sau:

5 tháng x 3,99 x 450.000 đồng x 16% = 1.436.400 đồng

Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi cho ông C được tính bằng bình quân tiền lương tháng theo ngạch bậc thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng) kể từ 01/9/2002 đến 01/9/2007.

Diễn biến hệ số lương theo ngạch, bậc và mức lương tối thiểu của ông C từ 01/9/2002 đến 01/9/2007 như sau:

- Từ 01/9/2002 đến 31/12/2002 (4 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 5 (2,82), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/01/2003 đến 30/9/2004 (21 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 5 (2,82), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2004 đến 31/01/2005 (4 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 5 (3,66), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/02/2005 đến 30/9/2005 (8 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 6 (3,99), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2005 đến 30/9/2006 (12 tháng), hệ số lương mã ngạch 01.003, bậc 6 (3,99), mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng

- Từ 01/10/2006 đến 01/9/2007 (11 tháng), hệ số lương mã ngạch là 01.003, bậc 6 (3,99), mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng

Tiền lương bình quân thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản của Ông C là: [(2,82 x 210.000 đồng x 4 tháng) + (2,82 x 290.000 đồng x 21 tháng) + (3,66 x 290.000 đồng x 4 tháng) + (3,99 x 290.000 đồng x 8 tháng) + (3,99 x 350.000 đồng x 12 tháng) + (3,99 x 450.000 đồng x 11 tháng)]/60 = 1.149.548 đồng/tháng

Như vậy tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi cho ông C là 1.149.548 đồng.

Ông C nghỉ hưu trước 2 năm, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 19 năm 7 tháng làm tròn là 20 năm. Do vậy, Ông C được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định:

2 năm x 3 tháng x 1.149.548 đồng = 6.897.290 đồng

- Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội là:

5 tháng x 1.149.548 đồng = 5.747.740 đồng

Tổng số tiền trợ cấp ông C được lĩnh là: 6.897.290 đồng + 5.747.740 đồng = 12.645.030 đ.

Tổng số tiền mà ngân sách nhà nước cấp để thực hiện việc tinh giản biên chế cho ông C là : 1.436.400 đồng + 12.645.030 đồng = 14.081.430 đồng

Ông C sẽ được hưởng lương hưu kể từ ngày 01/02/2008.

2. Chính sách đối với những người chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước

Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước, được hưởng các khoản trợ cấp sau:

a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (đủ 12 tháng).

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn A 35 tuổi, chuyển sang các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước từ ngày 01/09/2007, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội là 8 năm và 8 tháng, có hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo mã ngạch 01.003, bậc 3 là 3,00 từ ngày 01/01/2006.

Tiền lương tháng hiện hưởng là:

3,00 x 450.000 đồng = 1.350.000 đồng

Tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác cho ông A được tính như ví dụ 1 là: 845.775 đồng

Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 9 năm

Ông A được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng là:

3 tháng x 1.350.000 đồng = 4.050.000 đồng

- Trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác là:

1/2 x 845.775 đồng x 9 năm = 3.805.988 đồng

Tổng số tiền trợ cấp khi ông A chuyển sang cơ sở ngoài công lập là :

4.050.000 đồng + 3.805.988 đồng = 7.855.988 đồng

3. Chính sách đối với những người thôi việc ngay

Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế nghỉ thôi việc ngay, được hưởng các chế độ sau:

a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (đủ 12 tháng).

Ví dụ 6: Bà Nguyễn Thị E 48 tuổi, nhân viên đánh máy thuộc diện tinh giản biên chế, được giải quyết thôi việc ngay từ ngày 01/9/2007, có hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo ngạch công chức loại C2, bậc 8 (2,76) từ ngày 01/10/2006, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội 18 năm 2 tháng.

Tiền lương tháng hiện hưởng của bà E là: 2,76 x 450.000 đồng = 1.242.000 đồng

Tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác cho bà E được tính bằng bình quân tiền lương tháng theo ngạch, bậc thực lĩnh của 5 năm cuối (60 tháng), kể từ 01/9/2002 đến 01/ 9/2007.

Diễn biến hệ số lương theo ngạch, bậc và mức lương tối thiểu để tính lương tháng theo ngạch, bậc của bà E từ 01/9/2002 đến 01/9/2007 như sau:

- Từ 01/9/2002 đến 30/9/2002 (1 tháng) hệ số lương ngạch nhân viên đánh máy, bậc 5 (1,71), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/10/2002 đến 31/12/2002 (3 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên đánh máy, bậc 6 (1,80), mức lương tối thiểu chung là 210.000 đồng

- Từ 01/01/2003 đến 30/9/2004 (21 tháng), hệ số lương ngạch nhân viên đánh máy, bậc 6 (1,80), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2004 đến 30/9/2005 (12 tháng), hệ số lương ngạch công chức loại C2, bậc 7 (2,58), mức lương tối thiểu chung là 290.000 đồng

- Từ 01/10/2005 đến 30/9/2006 (12 tháng), hệ số lương ngạch công chức loại C2, bậc 7 (2,58), mức lương tối thiểu chung là 350.000 đồng

- Từ 01/10/2006 đến tháng 01/9/2007 (11 tháng), hệ số lương ngạch công chức loại C2, bậc 8 (2,76), mức lương tối thiểu chung là 450.000 đồng

Tiền lương bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản là: [(1,71 x 210.000 đồng x 1 tháng) + (1,80 x 210.000 đồng x 3 tháng) + (1,80 x 290.000 đồng x 21 tháng) + (2,58 x 290.000 đồng x 12 tháng) + (2,58 x 350.000 đồng x 12 tháng) + (2,76 x 450.000 đồng x 11 tháng)]/60 = 765.523 đồng/tháng

Tiền lương tháng để tính trợ cấp theo thâm niên công tác cho bà E là: 765.523 đồng

Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp làm tròn là 18 năm.

Bà E được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Trợ cấp tìm việc: 03 x 1.242.000 đồng = 3.726.000 đồng

- Trợ cấp thôi việc: 1,5 x 765.523 đồng x 18 năm = 20.669.121 đồng

Tổng số tiền bà E được nhận khi thôi việc là:

3.726.000 đồng + 20.669.121 đồng = 24.395.121 đồng

4. Chính sách đối với những người thôi việc sau khi đi học

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi đời dưới 45 tuổi, có sức khoẻ, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật, có nguyện vọng đi học nghề để tìm việc làm mới, thì được hưởng các chế độ sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương tháng hiện hưởng, được cơ quan, đơn vị đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian đi học nghề, tối đa là 06 tháng;

b) Được trợ cấp một khoản kinh phí (phí học nghề) bằng chi phí cho khoá học nghề tối đa là 06 tháng tiền lương hiện hưởng để đóng cho cơ sở dạy nghề;

c) Sau khi kết thúc học nghề, được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng ở thời điểm đi học để tìm việc làm; được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (đủ 12 tháng);

d) Trong thời gian đi học nghề được tính thời gian công tác liên tục nhưng không được tính thâm niên để nâng lương hàng năm.

Ví dụ 7: Ông Trần Văn D, 35 tuổi, có hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng theo mã ngạch 01.003, bậc 3 (3,00) từ ngày 01/01/2006, có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội 8 năm 3 tháng. Ông D thuộc diện tinh giản biên chế, nhưng có nguyện vọng đi học nghề trong 5 tháng, lệ phí học nghề là 4.500.000 đ từ ngày 01/4/2007. Sau khi học xong ngày 01/9/2007, ông D được giải quyết cho thôi việc.

Tiền lương tháng hiện hưởng là: 3,00 x 450.000 đồng = 1.350.000 đồng

Tiền lương tháng để tính trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác cho ông D được tính tương tự như ông A ở ví dụ 1 là: 845.775 đồng

Số năm đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp là 8 năm 3 tháng + 5 tháng đi học nghề = 8 năm 8 tháng, làm tròn là 9 năm.

Ông D được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Được hưởng 5 tháng tiền lương hiện hưởng trong thời gian đi học nghề:

5 x 1.350.000 đồng = 6.750.000 đồng

- Trợ cấp 4.500.000 đồng để đóng phí học nghề cho cơ sở dạy nghề;

- Sau khi kết thúc học nghề, ông D được trợ cấp:

+ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc:

3 tháng x 1.350.000 đồng = 4.050.000 đồng

+ Trợ cấp thôi việc theo thâm niên công tác:

1/2 x 845.775 đồng x 9 năm = 3.805.988 đồng

5. Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo do sắp xếp *tổ chức*

Cán bộ, công chức, viên chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo do sắp xếp tổ chức thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc bầu cử. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng. Trong thời gian bảo lưu, nếu được bổ nhiệm hoặc bầu cử vào chức vụ mới thì thôi hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ cũ để hưởng phụ cấp chức vụ mới kể từ ngày văn bản bổ nhiệm hoặc bầu cử có hiệu lực thi hành.

Ví dụ 8: Ông Lê Văn M, xếp ngạch 01.002, hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng là 5,08, được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở Công nghiệp (hệ số phụ cấp 0,7) từ ngày 01/01/2005, ngày 01/01/2009 do hợp nhất Sở Công nghiệp với Sở Thương mại, Ông M không giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở.

Thời hạn bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở là 5 năm theo quy định tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiễm cán bộ, công chức lãnh đạo ban hành kèm theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/2/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Nên ông M được bảo lưu phụ cấp chức vụ 0,7 đến hết ngày 31/12/2009. Sau ngày 01/01/2010 nếu không được bổ nhiệm chức vụ mới thì ông M sẽ không được hưởng phụ cấp chức vụ 0,7 nữa.

Ví dụ 9: Ông Trần Văn H giữ ngạch 01.003, hệ số lương 3.33, được bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng (hệ số phụ cấp 0,4) từ ngày 01/10/2004, ngày 01/03/2007 do sắp xếp tổ chức, ông H không giữ chức vụ trưởng phòng nữa. Ngày 01/01/2008, ông H được bổ nhiệm chức vụ phó trưởng phòng (phụ cấp 0,25).

Thời hạn bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng là 5 năm theo quy định tại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiễm cán bộ, công chức lãnh đạo ban hành kèm theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/2/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Nên ông H được bảo lưu phụ cấp chức vụ trưởng phòng (0,4) từ tháng 3/2007 đến tháng 12/2007 và từ tháng 01/2008 ông H hưởng phụ cấp chức vụ phó trưởng phòng (hệ số phụ cấp 0,25).

IV. NGUỒN KINH PHÍ, CHẤP HÀNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN

1. Kinh phí để giải quyết chính sách tinh giản biên chế

a) Kinh phí để giải quyết chính sách tinh giản biên chế cho các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 mục I Thông tư này do ngân sách nhà nước cấp (trừ trường hợp quy định tại điểm b dưới đây), được thực hiện như sau:

Cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí được giao trong dự toán ngân sách hàng năm hoặc nguồn kinh phí được để lại sử dụng tại đơn vị từ nguồn thu theo chế độ tài chính hiện hành (đối với đơn vị có nguồn thu) để chi trả cho các chế độ sau:

- Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 mục III Thông tư này.

- Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm cho những người đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu tối đa 06 tháng trở xuống quy định tại điểm b khoản 1 mục III Thông tư này và cho những người trong diện tinh giản biên chế trong độ tuổi quy định có nguyện vọng đi học nghề trước khi giải quyết thôi việc quy định tại điểm a khoản 4 mục III Thông tư này.

- Tiếp tục trả lương trong thời gian đi học nghề nhưng không quá 06 tháng và trợ cấp khoản kinh phí học nghề cho đối tượng trong độ tuổi được tạo điều kiện cho đi học nghề quy định tại điểm a, b khoản 4 mục III Thông tư này.

Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung kinh phí cho cơ quan, đơn vị do thực hiện việc chi trả các chế độ theo quy định tại điểm này (nếu còn thiếu) và bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ còn lại theo nguyên tắc:

- Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc các địa phương tự cân đối được ngân sách, phần kinh phí tinh giản biên chế cấp bổ sung sẽ do ngân sách địa phương đảm bảo;

- Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương không tự cân đối được ngân sách, ngân sách trung ương sẽ cấp bổ sung phần kinh phí tinh giản biên chế còn thiếu.

b) Những người được các đơn vị sự nghiệp công lập tuyển dụng lần đầu từ ngày 29/10/2003 trở đi, thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm c, d khoản 1 mục I Thông tư này, nếu do đơn vị sự nghiệp được giao quyền tuyển

dụng tuyển dụng thì kinh phí để giải quyết chính sách tinh giản biên chế cho đối tượng này lấy từ kinh phí thường xuyên của đơn vị sự nghiệp.

c) Kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với các chức danh trong doanh nghiệp nhà nước nêu tại điểm d khoản 1 mục I Thông tư này được bố trí từ nguồn Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 110/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty nhà nước.

2. Chấp hành kinh phí

a) Đối với các địa phương tự đảm bảo kinh phí tinh giản biên chế thì thực hiện chi trả cho đối tượng tinh giản biên chế theo chế độ quy định tại Nghị định 132/2007/NĐ-CP và Thông tư này, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện theo biểu số 3, 4 kèm theo Thông tư này về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

b) Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương không tự đảm bảo được kinh phí tinh giản biên chế thì căn cứ quy định tại Nghị định 132/2007/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lập danh sách đối tượng tinh giản (kèm theo các quyết định tinh giản biên chế), tính toán số tiền giải quyết chế độ theo các biểu 1a, 1b, 1c, 1d; đồng thời tổng hợp số đối tượng tinh giản, lập dự toán kinh phí giải quyết chế độ theo biểu số 2 và có công văn gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính. Trên cơ sở các báo cáo này, Bộ Nội vụ kiểm tra và có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Tài chính để có căn cứ thông báo bổ sung kinh phí, cụ thể như sau:

- Đối với kinh phí bổ sung để thực hiện chế độ tinh giản biên chế cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì bổ sung dự toán để có nguồn thực hiện;

- Đối với kinh phí bổ sung để thực hiện chế độ tinh giản biên chế cho các địa phương thì bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện.

3. Quyết toán

Kết thúc đợt chi trả, các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế và báo cáo quyết toán kinh phí đã chi trả (theo biểu số 1a, 1b, 1c, 1d và 3 kèm theo) gửi về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, quyết toán với cơ quan tài chính theo quy định về phân cấp hiện hành. Trường hợp thiếu so với số tạm cấp, được cấp bổ sung. Kinh phí sử dụng không đúng mục đích, chi sai chế độ, sử dụng không hết đều phải thu hồi, hoàn trả ngân sách trung ương.

Việc thu, chi kinh phí giải quyết chế độ theo chính sách tinh giản biên chế nói trên phải được tổng hợp chung vào báo cáo tài chính của cơ quan, đơn vị hàng năm theo đúng quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày

30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện tinh giản biên chế

2. Việc tinh giản biên chế bảo đảm thực hiện theo đúng nguyên tắc và trình tự thực hiện tinh giản biên chế quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

3. Vụ hoặc Ban Tổ chức - Cán bộ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm cơ quan thường trực, có nhiệm vụ chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp (Vụ hoặc Ban Tài chính ở Trung ương, Sở Tài chính ở địa phương), Bảo hiểm xã hội trên địa bàn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện theo đúng Nghị định số 132/2007/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này; giúp Thủ trưởng Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế; chịu trách nhiệm trước Bộ, ngành, địa phương thẩm định đối tượng tinh giản biên chế; lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế của Bộ, ngành, địa phương mình; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đối với các cơ quan, đơn vị. Trường hợp thẩm định sai đối tượng chính sách tinh giản biên chế thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật còn phải hoàn trả kinh phí chi trả chính sách tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2011. Các chế độ, chính sách quy định tại Thông tư này được tính hưởng kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2007 (ngày Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế có hiệu lực thi hành).

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc tinh giản biên chế thuộc thẩm quyền, kịp thời báo cáo đề nghị Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Định kỳ hàng năm các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế và đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế, kèm theo các biểu 3, 4 vào các thời điểm trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**
Vũ Văn Ninh	**Trần Văn Tuấn**

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP,
- Các Bộ/cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- Website Chính phủ,
- Lưu: BNV, BTC.

Cơ quan chủ quản:

Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc:

BIỂU SỐ 1A

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI TỪ NGÀY... THÁNG... NĂM... ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)					Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng					Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	Tiền đóng cho cơ quan BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG																									

Hướng dẫn: Bảng này do cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức lập định kỳ 6 tháng một lần.

- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tinh giản
- Cột 16=Trung bình cộng của 60 tháng tiền lương thực lĩnh trước khi tinh giản.
- Cột 17: tính cả số tháng lẻ
- Cột 20 = cột 21 + cột 22 + cột 23 + cột 24
- Cột 21 = cột 16 x số tháng trợ cấp (tính theo số tháng, năm về hưu trước tuổi)
- Cột 22 = cột 16 x 5 tháng
- Cột 23 = (cột 17-20) x 1/2 x cột 16
- Cột 24: số tiền đóng cho cơ quan BHXH đối với đối tượng đóng BHXH đủ 19 năm 6 tháng đến dưới 20 năm

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận: - Sở Nội vụ (Vụ hoặc Ban Tổ chức cán bộ) để thẩm định, tổng hợp đối tượng tinh giản,
- Sở Tài chính (Vụ hoặc Ban Tài chính - Kế toán) - để kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí khi hoàn thành chi trả,
- Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị có TK.

Cơ quan chủ quản:

Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc:

BIỂU SỐ 1B

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI CHUYỂN SANG TỔ CHỨC KHÔNG HƯỞNG KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN TỪ NGÂN SÁCH TỪ NGÀY... THÁNG... NĂM... ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Tổng kinh phí để thực hiện (1000 đồng)	Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng							
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng cộng:																						

Hướng dẫn:

- Bảng này do cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức lập định kỳ 6 tháng một lần.
- Cột 17=Trung bình cộng của 60 tháng tiền lương thực lĩnh trước khi tinh giản.
- Cột 18: tính cả số tháng lẻ
- Cột 21 = cột 16 x 3 tháng + 1/2 x cột 17 x cột 18

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận: - Sở Nội vụ (Vụ hoặc Ban Tổ chức cán bộ) để thẩm định, tổng hợp đối tượng tinh giản,
- Sở Tài chính (Vụ hoặc Ban Tài chính - Kế toán) - để kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí khi hoàn thành chi trả,
- Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị có TK.

Cơ quan chủ quản:
Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc:

BIỂU SỐ 1C

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY TỪ NGÀY... THÁNG... NĂM... ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Tổng cộng:																								

Hướng dẫn:

- Bảng này do cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức lập định kỳ 6 tháng một lần.
- Cột 14, 15 để nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tinh giản
- Cột 16 = (cột 4 + cột 6, 12 (nếu có)) x tiền lương tối thiểu chung + cột 8, cột 10 (nếu có)
- Cột 17=Trung bình cộng của 60 tháng tiền lương thực lĩnh trước khi tinh giản.
- Cột 18: tính cả số tháng lẻ
- Cột 21= cột 22 + cột 23
- Cột 22= cột 16 x 3 tháng
- Cột 23= 1,5 x cột 18 x cột 17

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận: - Sở Nội vụ (Vụ hoặc Ban Tổ chức cán bộ) để thẩm định, tổng hợp đối tượng tinh giản,
- Sở Tài chính (Vụ hoặc Ban Tài chính - Kế toán) - để kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí khi hoàn thành chi trả,
- Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị có TK.

Cơ quan chủ quản:
Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc:

BIỂU SỐ 1D

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC SAU KHI ĐI HỌC TỪ NGÀY... THÁNG... NĂM... ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)						Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Tiền lương được hưởng trong thời gian học nghề	Chi phí học nghề	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH	Tiền đóng cho cơ quan BHXH trong thời gian học nghề	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	TỔNG CỘNG																											

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên đóng dấu)

Hướng dẫn:
- Bảng này do cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức lập định kỳ 6 tháng một lần.
- Cột 16 = (cột 4 + cột 6,12 (nếu có)) x tiền lương tối thiểu + cột 8, 10 (nếu có)
- Cột 17=Trung bình cộng của 60 tháng lương tháng thực lĩnh trước khi tinh giản.
- Cột 18: tính cả số tháng lẻ
- Cột 22 = cột 16 x số tháng học nghề
- Cột 23: chi phí cho khóa học nghề
- Cột 24 = cột 16 x 3 tháng
- Cột 25= 1/2 x cột 18 x cột 17
- Cột 21= cột 22 + cột 23 + cột 24 + cột 25 + cột 26

Nơi nhận: - Sở Nội vụ (Vụ hoặc Ban Tổ chức cán bộ) để thẩm định, tổng hợp đối tượng tinh giản,
- Sở Tài chính (Vụ hoặc Ban Tài chính - Kế toán) - để kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí khi hoàn thành chi trả,
- Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị có TK.

Bộ, ngành,
tỉnh, thành phố:

BIỂU SỐ 2

DANH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TỪ NGÀY... THÁNG... NĂM... ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, đo đóng bảo hiểm xã hội (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng cộng:																										

Vụ hoặc Ban Tài chính - Kế toán (Sở Tài chính)
(Ký tên)

Vụ Tổ chức cán bộ (Sở Nội vụ)
(Ký tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tinh giản.

Nơi nhận: - Bộ Nội vụ để thẩm tra;
- Bộ Tài chính, để kiểm tra, tạm cấp kinh phí.

Bộ, ngành hoặc
tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

BIỂU SỐ 3

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ
THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao năm 2007	Tổng số biên chế giảm		Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế trong kỳ				Kinh phí chi cho tinh giản biên chế trong kỳ (1000 đồng)				
			Trong kỳ	Lũy kế	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang các cơ sở	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	Kinh phí chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí chi cho những người thôi việc sau khi đi học nghề
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng												

Ghi chú: - Số ghi ở cột 1 lấy theo số giao năm 2007của Bộ, ngành, địa phương cho cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Cột 2 = Cột 4 + cột 5 + cột 6 +cột 7;
- Cột 8= cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12.
- Báo cáo theo định kỳ 30/6 và 31/12 các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011

Vụ hoặc Ban tài chính - Kế toán
(Sở Tài chính)
(Ký tên)

Vụ hoặc Ban Tổ chức cán bộ
Sở Nội vụ
(Ký tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận: - Bộ Nội vụ,
- Bộ Tài chính để tổng hợp kết quả và quyết toán kinh phí tạm cấp.

Bộ, ngành:
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

BIỂU SỐ 4

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ ĐẾN HẾT NGÀY... THÁNG... NĂM...

TT	Tên lĩnh vực tinh giản biên chế	Biên chế được giao năm 2007	Tổng số biên chế giảm		Số người được hưởng chính sách tinh giản biên chế trong kỳ				Kinh phí chi cho tinh giản biên chế trong kỳ (1000 đồng)				
			Trong kỳ	Lũy kế	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang các cơ sở	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	Kinh phí chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí cho chi những người thôi việc sau khi đi học nghề
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Chia ra:												
	- Quản lý NN												
	- SN giáo dục - đào tạo												
	- SN y tế												
	- SN khoa học												
	- SN văn hoá, thông tin, thể thao												
	Tổng cộng:												

Ghi chú: - Số ghi ở cột 1 lấy theo số giao năm 2007của Bộ, ngành, địa phương cho cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Cột 2 = Cột 4 + cột 5 + cột 6 +cột 7;
- Cột 8= cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12.
- Báo cáo theo định kỳ 30/6 và 31/12 các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011

Vụ hoặc Ban tổ chức cán bộ (Sở Nội vụ)
(Ký tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên đóng dấu)

Nơi nhận: - Bộ Nội vụ
- Bộ Tài chính